

TRƯỜNG VIỆT NGỮ HÙNG VƯƠNG

Tài liệu giáo khoa

LỚP 5

Khoá I/2006

Họ và tên học sinh : _____

Phòng học: _____

Thầy/Cô phụ trách: _____

Điện thoại thầy/cô: _____

Thầy/Cô phụ trách: _____

Điện thoại thầy/cô: _____

Mục Lục

Bài 1

Vần: ong, ông, oai, oam, oăm, oan, oăn 9
Bài tập về nhà 10

Bài 2

Vần: oao, oay, oac, oăc, oat, oăt 11
Bài tập về nhà 12

Bài 3

Vần: oanh, oach, oang, oăng 13
Bài tập về nhà 14
Ôn bài 1-3 15

Bài 4

Vần: oeo, oen, oet, ong, ung, ung 16
Bài tập về nhà 17

Bài 5

Vần: uân, uât, uây, uâng, uôi 18
Bài tập về nhà 19

Bài 6

Vần: uôm, uôn, uông, uôc, uôt, uya 20
Bài tập về nhà 21
Ôn bài 4 – 6 22

Bài 7

Vần: uynh, uênh, uyên, uyu 23
Bài tập về nhà 24

Bài 8

Vần: uych, uyt, uyêt, uêch 25
Bài tập về nhà 26

Bài 9

Vân: ươi, ươi, ươi, ươi 27

Bài tập về nhà 28

Bài 10

Vân: ươm, ươm, ươm, ươm 29

Bài tập về nhà 30

Ôn bài 7-10 31

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 5

TUẦN LỄ	CHƯƠNG TRÌNH HỌC
1/15	<ul style="list-style-type: none">• Ghi danh, Lập hồ sơ• Chào mừng các em• Kỷ luật nhà trường - Phát sách vở• Bài 1
1/22	Bài 2
1/29	Nghỉ lễ Tết Bính Tuất
2/5	Đón Tết Bính Tuất
2/12	Bài 3
2/19	Bài 4
2/26	Bài 5
3/5	Bài 6
3/12	Nghỉ Spring Break
3/19	Thi giữa khóa

3/26	Bài 7
4/2	Bài 8
4/9	Bài 9
4/16	Bài 10
4/23	Bài 11
4/30	Thi cuối khóa
5/7	Thi cuối khóa cho những em vắng mặt tuần 4/30
5/14	Mãn khóa

Ghi chú:

1. Khuyến khích học sinh nói tiếng Việt trong lớp.
2. Dùng tiếng Việt tối đa để giải nghĩa những chữ khó. Tuy nhiên, Thầy/Cô có thể dùng tiếng Anh để làm rõ nghĩa câu văn hoặc từ ngữ vựng.

Nội Quy

1. Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục.
2. Học sinh nghỉ học phải có thông báo của phụ huynh trước với thầy/cô hoặc phải mang theo giấy xin phép của phụ huynh khi trở lại lớp.
3. Học sinh đến lớp trễ 5 buổi liên tiếp, hoặc nghỉ học 3 buổi liên tiếp sẽ không được lên lớp.
4. Học sinh phải giữ kỷ luật trong lớp, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của thầy/cô trực tiếp phụ trách. Vi phạm kỷ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo. Nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học trong một thời gian hoặc vĩnh viễn.
5. Học sinh phải tham dự đầy đủ các kỳ thi trong khóa và phải làm đầy đủ bài tập mỗi tuần.
6. Học sinh phải gìn giữ vệ sinh chung của trường và lớp học.
7. Học sinh không được rời phạm vi của nhà trường trong giờ học cũng như giờ ra chơi.

Ôn nguyên tắc đánh vần và cách viết chính tả

I. Nguyên tắc đánh vần Việt ngữ

Chúng ta chia chữ ra làm hai phần, phụ âm và nguyên âm.

Ví dụ: chữ thoáng

- chia chữ th | oáng
- Đánh vần từ nguyên âm trở đi : o, a, ngờ oang
- ghép phụ âm đầu (th) vào : thờ oang thoang
- ghép dấu sau cùng : sắc thoáng

Ngoại lệ: chữ gi thì chia vần sau chữ i

Ví dụ

- giày → gi | ay

II. Nguyên tắc viết chính tả từ cách đánh vần Việt ngữ

Những chữ bắt đầu bằng nguyên âm, chúng ta viết ngay từ nguyên âm:

Ví dụ: **âm**

- Viết **âm**
- Ghép dấu hỏi vào → **ă**

Với những chữ bắt đầu bằng phụ âm thì chia một khoảng trống cho phụ âm đầu

- Bắt đầu viết từ nguyên âm cho tới cuối chữ
- Trở lại phần trống, ghép phụ âm đầu vào
- Viết dấu sau cùng

Ví dụ: **chăng**

- bỏ trống 1 phần, viết từ ă ngờ → **ă**
ng
- ghép phụ âm đầu “ch” vào
chăng

tuyệt

- bỏ trống 1 phần, viết từ u, y, ê tờ → **u**
uyệt

- ghép phụ âm đầu “t” vào **tuyệt**
- ghép dấu sau cùng : sắc **tuyệt**

Khi học sinh đã quen và đã đánh vần nhuần, học sinh có thể viết chính tả ngay từ phụ âm đầu.

Áp dụng vào các bài tập đọc.

- Đánh vần các chữ khó.
- Viết chính tả. (Số câu tùy theo giáo viên). Việc viết chính tả liên quan tới việc đánh vần. Các em có đánh vần giỏi mới viết chính tả giỏi. Do đó, mỗi bài giáo viên nên cho các em đánh vần các chữ gạch dưới trước khi cho các em viết chính tả.

Bài Một

Vần: **ong** **ông** **oai**
 o-ngờ-ong *ô-ngờ-ông* *o-a-i-oai*

oam **oăm** **oan** **oăn**
 o-a- mờ-oam *o-á-mờ-oăm* *o-a-nờ-oan* *o-á-nờ-oăn*

ong	lòng	Lòng mẹ thương con bao la như trời như biển.
ông	hồng	Hoa hồng đẹp nhưng có nhiều gai.
oai	khoai	Mẹ luộc khoai lang cho cả nhà ăn.
oam	ngoạm	Con chó ngoạm cục xương.
oăm	hoắm	Cái hồ này sâu hoắm.
oan	hoàn trả	Khi mượn đồ vật gì của ai, em nhớ hoàn trả lại.
oăn	xoăn	Tóc chi Lan xoăn tự nhiên. Họa hoàn lấm, mẹ mới cho em thức khuya.

Tập đọc

Gia tộc

Nhà em có **ông** bà, cha mẹ, anh và chị em. Cha em thì đi làm để nuôi cả nhà. Mẹ em thì trông nom dạy bảo chúng em, và coi sóc mọi việc trong nhà. Chúng em lúc nào cũng **ngoan ngoãn** và lễ bái, để cho **ông** bà, cha mẹ được vui lòng.

Kể cả người **trong** họ thì còn có chú bác, cô dì, anh, chị em họ, là những người cùng máu mủ với em.

Giải nghĩa:

Gia tộc: bao gồm ông bà, cha mẹ, anh chị em trong gia đình và cả những người trong họ hàng như chú bác, cô dì. Do đó gia tộc lớn hơn gia đình.

Bài tập

Trả lời câu hỏi trong bài “Gia tộc”

1) Gia đình em gồm có những ai?

2) Gia tộc em gồm có những ai?

Đồng âm, khác nghĩa: HOAN với HOANG

Hoan: vui vẻ; Hoang : phí phạm

- 1) Mọi người vỗ tay _____ hô bé Nam đã được giải nhất đồ vui để học.
- 2) Chúng ta không nên ăn xài _____ phí.

Điền vào chỗ trống toán – Loan - hoan,

- 1) Ba mẹ hân.....vui mừng
- 2) Vì chị.....mới thi đậu.
- 3) Làm việc gì cũng phải tính..... kỹ lưỡng.

Chính tả

Ông bà đã có công sinh thành, nuôi dưỡng cha mẹ ta, ta phải biết ơn. Ông bà đã già, không thể sống đời với con cháu lâu dài. Chúng ta cần phải chăm sóc ông bà nhiều hơn để những ngày tháng về chiều của ông bà được ấm áp, vui vẻ.

- Các em nhờ bố, mẹ, anh chị đọc chính tả cho các em viết ở nhà.

Bài tập

Đặt câu

Thoát hiểm _____

Nước xoáy _____

Hoạt bát _____

Điền vào chỗ trống

lưu loát - loắt choắt - toác hoác - khoác lác - hoạt họa

1. Không ai thích người ăn nói
2. Cửa mở.....
3. Thầy khen em ăn nói
4. Em thích xem phim
5. Trông anh hề....., rất tức cười.

Sửa lại từ viết sai có gạch dưới

Viết lại cả câu cho đúng

1. Kiểm *soắt đồ* đạc
.....
3. Mũi đình *nhon hoát*.
.....

Chính tả

Anh Khoát

Anh Khoát là học sinh lớn tuổi nhất trong lớp em. Anh có thân hình loắt choắt nhưng lại thích hoạt động thể thao. Bước đi thoăn thoắt của anh đã giúp anh đoạt giải nhất về môn đi bộ đường dài.

Anh Khoát rất vui tính và hay đùa cợt với bạn bè. Họa hoằn lắm anh mới nghỉ học vì bị bệnh. Bạn học cả lớp em đều cảm mến anh.

Bài Ba

Vần

oanh
o-a-nhờ-oanh

oach
o-a-cờ-oach

oang
o-a-ngờ-oang

oăng
o-á-ngờ-oăng

oanh	mới toanh	Cậu em mới mua một chiếc xe hơi mới toanh.
oach	kế hoạch	Khi làm việc gì, chúng ta nên có kế hoạch.
oang	thoang thoảng	Mùi hương hoa ngọc lan thơm thoang thoảng.
oăng	hoăng	Con hoăng chạy rất nhanh.

Tập đọc

Căn nhà mới

Nhà em ở gần trường Hùng Vương. Từ xa lộ 59 rẽ vào con đường nhỏ, ba em lái xe chạy **loanh** quanh độ năm phút thì đến nơi.

Đây là căn nhà mới **toanh**, tuy nhỏ nhưng trông xinh xinh. Trước kia, gia đình em phải thay đổi chỗ ở **xoành xoạch**. Nay cha mẹ em vui mừng lắm vì đã làm chủ một căn nhà.

Bài tập

Đàm thoại

Đề tài đàm thoại “Căn nhà của em”

Từ đề nghị dùng trong phần đàm thoại, thí dụ:

Sân sau, sân trước, cây ăn trái, trồng, rau, phòng, nhà lầu, hoa, cửa sổ, phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ, gạch, gỗ, nhà trệt, tầng lầu, v.v.

Hướng dẫn các em đàm thoại với những câu như sau, thí dụ:

- Nhà em có gần trường học.
- Sân sau nhà em có trồng gì không?
v.v.

Điền vào chỗ trống

thoảng - oang oang – hoang - hoạch - toanh

1. Ba mẹ dạy em không nên phí.
2. Thỉnh em viết thơ thăm ông bà em.
3. Khi đến chỗ đám đông, chúng ta không nên nói chuyện
4. Làm việc gì phải có kế
5. Mẹ mới mua cho em cái áo mới

Chính tả

Chó, Gà và Chim Két

Ba em nuôi con két,
Nói liến thoảng cả ngày.
Vỗ cánh trông thật oai,
Là con gà cồ đá.
Gâu gâu, con chó vá.
Thấy lạ sủa oang oang.

Ôn bài (Review)

Ôn bài 1

ong	ông	oai	oam	oăm	oan	oăn
mong đợi tấm lòng	con công nông phu con sông	loài vật bại hoại	ngoạm	oái oăm sâu hoắm	oan ức toan tính khoan thai	tóc xoắn xoắn xít

Ôn bài 2

oao	oay	oac	oăc	oat	oăt
ngoáo ộp	loay hoay xoay tròn xoáy mạnh	toác hoác	dấu ngoặc ngoặc tay	hàng loạt kiểm soát thoát nạn hoạt bát thoát nước	loắt choắt

Ôn bài 3

oanh	oach	oang	oăng
hoạnh hợ chim hoàng oanh mới toanh xoành xoạch loanh quanh	thu hoạch hoạch định kế hoạch	loang loáng hoàng hôn hoang đảo huy hoàng chớp nhoáng	chó sủa oăng oăng

- Tập đặt câu hoặc đàm thoại bằng những từ trong bài số bốn trên đây.
- Chính tả: Thầy/Cô đọc những từ trong bài số bốn cho các em viết chính tả.

Bài Bốn

Vần:	o eo <i>o-e-o eo</i>	o en <i>o-e-n ò-o en</i>	o et <i>o-e-tờ-o et</i>
	o ong <i>o-o-ngờ-o ong</i>	u ng <i>u-ngờ-u ng</i>	ư ng <i>ư-ngờ-ư ng</i>

o eo	ngoéo tay	Em và Mai ngoéo tay nhau hứa sẽ không giận nhau nữa.
o en	khoen	Mẹ mua cho bé Vi đôi khoen tai mới.
o et	lòe loẹt	Bà Ba lớn tuổi rồi mà ăn mặc rất lòe loẹt.
o ong	xoong	Mẹ kho một xoong cá cho cả nhà ăn.
u ng	tùng	Đằng trước nhà em có hai cây tùng.
ư ng	nhưng	Anh Tâm tuy nhỏ con, nhưng anh rất mạnh khỏe.

Tập đọc

Lời Mẹ

Con ơi, chớ có nằm **khoè**,
Chăm lo học tập mới theo kịp người.
Gặp bạn, con **nhỏ** miệng cười,
Chớ nên tập nói **những** lời oái oăm.
Bài làm, bài học phải chăm,
Tránh đi tật xấu, con năng sửa mình.

Đại ý: Lời mẹ khuyên con phải chăm lo học tập và tránh các tật xấu.

Bài tập

Đàm thoại

Bổn phận của các em

Khi còn bé các em phải có bổn phận như là cố gắng học hành chuyên cần. Đừng nên ham chơi, lười biếng. Khi kết bạn phải làm thân với những ai ham học và tránh xa những kẻ quấy phá.

Ngoài giờ học thì giúp đỡ cha mẹ công việc nhà như nhặt rau, rửa chén, dọn dẹp nhà cửa. Được như vậy, các em đã hoàn tất những bổn phận của mình, thì các em là những học trò gương mẫu.

Đặt câu hỏi với các em

Thí dụ:

Bổn phận của em khi còn bé?

Khi kết bạn, em phải làm thân với ai?

Ngoài giờ học ra em phải làm gì?

Học trò gương mẫu là học trò như thế nào?

....v..v..

Đặt câu

2) mừng rỡ

3) xung quanh

4) túng thiếu

Chính tả

Anh Ba Còm

Có anh ba Còm
Thân hình gầy nhom.
Đôi mắt sâu hoắm
Anh nói xoén xoét,
Hay ngoén miệng cười.
Khi hứa giúp người.
Ngoéo tay thật chặt.
Tính anh chân thật.
Và rất dễ thương.

Bài Năm

Vần

uân uât uây
u-ớ-nờ-uân u-ớ-tờ-uât u-ớ-y- uây

uâng uôi
u-ớ-ngờ-uâng u- ô-i-uôi

uân	xuân	Mùa xuân hoa nở rộ.
uât	xuất	Trong lớp em, Mai học rất xuất sắc.
uây	quây quần	Các cháu vây quần bên bà.
uâng	bâng khuâng	Bà bâng khuâng nhớ quê nhà.
uôi	suối	Dòng suối chảy róc rách.

Tập đọc

Ngày giỗ

Hôm qua ngày giỗ ông em,
Bà con nội ngoại đôi bên **quây quần**.
Bàn thờ đèn nến sáng trưng,
Khói hương nghi ngút thơm lừng bay cao.
Bâng **khuâng** em nhớ năm nào,
Lời ông dạy bảo biết bao ân cần.
Mà nay ông đã lìa trần,
Nỗi buồn mát mát trong lòng khôn **khuyên**.

Bài tập

Đàm thoại

Thờ cúng tổ tiên

Tổ tiên là các cụ đời xưa sinh ra ông bà, cha mẹ mình. Bởi có tổ tiên mới có ông bà, cha mẹ, và có cha mẹ mới có mình. Vậy mình phải nhớ ơn tổ tiên.

Cho nên cứ đến ngày giỗ, ngày Tết, thì con cháu đều làm lễ cúng tổ tiên.

Con người có tổ có tông,
Như cây có cội, như sông có nguồn.

Từ đề nghị dùng trong phần đàm thoại

Bàn thờ, nhang, nến, người khuất mặt, trái cây, khăn vái, cúng kiếng, gia đình, tụ tập, đồ ăn, bà con....v.v....

Hướng dẫn các em đàm thoại với những câu như sau:

Thí dụ:

- Nhà em có làm giỗ cúng ông bà không?
- Nếu có, em nói cho thầy/cô biết nhà em tổ chức buổi giỗ như thế nào? ...v.v...

Đặt câu với những từ sau đây:

1. thuận tiện
2. kỷ luật
3. tuân lời

Phân biệt: SUẤT với XUẤT

Suất: sơ suất; Xuất : xuất chúng, xuất sắc

1) Nam là học sinh _____ sắc nhất trong lớp.

2) Bé Tâm sơ _____ làm bể cái ly.

Chính tả

“Thờ cúng tổ tiên”

Bài Sáu

Vần

uôm

u-ô-mờ-uôm

uôn

u-ô-nờ-uôn

uông

u-ô-ngờ-uông

uốc

u-ô-cờ-uốc

uột

u-ô-tờ-uột

uya

u-y-a-uya

uôm	luộm thuộm	Chị Luân ăn mặc luộm thuộm.
uôn	luôn luôn	Em luôn luôn cố gắng học hành.
uông	chuông	Tiếng chuông từ xa vọng lại.
uốc	luộc	Em thích ăn rau muống luộc.
uột	chuột	Tuổi tỳ là tuổi con chuột.
uya	khuya	Đêm khuya trời thanh vắng.

Tập đọc

Bổn Phận Làm Con

Làm con phải hiếu ai ơi,
Công ơn cha mẹ biển trời bao la!
Một mai sức yếu, tuổi già,
Da nhăn, tóc đã **nhuộm** màu muối tiêu.
Thăm nom, chăm sóc sớm chiều,
Vui lòng cha mẹ, kính yêu trọn đời.

Bài tập

Đặt câu

1. thuốc lá
2. luôn luôn
3. con chuột
4. suốt ngày

Điền vào chỗ trống:

nuốt - luộm thuộm - suốt - chuồn - buồm - đuốc - buốt - chuột

1. Mẹ dạy em con gái không nên ăn mặc
2. Thuyềnra khơi đánh cá.
3. Mẹ dặn em ăn cơm phải nhai, chớ không nêntrọng.
4. Trời lạnh, em run cầm cập.
5. Chị Mai xem rướcthế vận hội.
6. Em làm bài tậpbuổi chiều.
7.nhất hay cắn rách quần áo.
8. Chuồnbay lượn trong vườn.

Viết lại những câu sau đây cho đúng chính tả

1) Khung mặt chị Mai chông rất khả ái.

2) Moi lan chú hề xuất hiện là em thấy buồn cười.

3) Buon bán phai thật thà.

4) Muốn thành công phải luôn lun luôn co gang.

5) Rau múng rất dễ luột.

6) Tiếng truông chùa vang xa.

7) Ba cuốt đất trồng cay.

Ôn Bài (Review)

Ôn bài 4

oeo	oen	oet	oong	ung	ung
ngoạo đầu ngoáo tay	khoen tai xoen xoét	láo toét lở loét	xoong cháo xe goòng boong boong	lung lay thờ cúng nững nịu	lung còng cung chịu trúng gà cứng cỏi

Ôn bài 5

uân	uât	uây	uâng	uôi
tuân lệnh, huân chương, thuần thực, huân luyện, ngu xuẩn	ảo thuật, khuất bóng xuất cảng xuất xứ bất khuất mỹ thuật	khuấy động quây quần	bâng khuâng quâng mắt	nuôi tiếc, nuôi nấng tuổi thơ tuổi già

Ôn bài 6

uôm	uôn	uông	uộc	uột	uya
cánh buồm lụa nhuộm nhuộm tóc	buôn bán, tuôn trào, rập khuôn buồn ngủ	chuông reo chuông gà luống rau chim muông luống điện xuống dốc ưa chuộng	cuộc đời thuộc họ, thuộc bài,	sáng suốt chuột nhắt nuốt vào	thức khuya

- Đặt câu hoặc đàm thoại bằng những từ trong bài tám trên đây.
- Chính tả: Thầy/Cô đọc những từ trong bài tám cho các em viết chính tả.

Bài Bảy

Vần

uynh
u-y-nhờ-uynh

uênh
u-ê-nhờ-uênh

uyên
u-y-ê-ờ-uyên

uyu
u-y-u-uyu

uynh	quynh	Hoa quynh nở về đêm.
uênh	chuyện	Người say đi chuyện choạng.
uyên	chuyên	Anh Tâm học hành rất chuyên cần.
uyu	quýu	Bà lạnh quýu tay.

Tập đọc:

Những kẻ lừa biếng

Thông thường, những kẻ lừa biếng chỉ lo ăn chơi và sống cho qua ngày. Khi tiền của còn thì tiêu pha phung phí, tính tình tự đắc, lời nói huênh hoang. Đầu óc họ rộng tuếch chẳng nghĩ gì tới ai ngoài họ. Chợt đến lúc không còn gì thì đi vay mượn rồi quỵt nợ. Lúc túng quẫn họ trở thành kẻ gian tà hoặc trộm cướp. Khi bị đuổi bắt, họ chạy thục mạng vào những con đường tối tăm, khúc khuỷu lủi trốn.

Đại ý: Những kẻ lừa biếng thường tiêu tiền phung phí và khi hết tiền thì dễ trở nên người hư hỏng.

Giải nghĩa:

Phung phí: *quá trớn, quá độ* - Tự đắc: *Cho mình là hay và giỏi hơn người* – huênh hoang: *khoe khoang về mình một cách quá đáng* - Khúc khuỷu: *quanh co, không thẳng*.

Bài tập

Trả lời câu hỏi bài tập đọc “Những kẻ lừa biếng”

1) Kẻ lừa biếng thường lo ăn chơi hay chịu khó làm việc?

2) Họ tiêu tiền ra sao?

3) Tính tình và lời nói của họ như thế nào?

4) Khi nào thì họ trở thành kẻ trộm cướp?

Đặt câu

quyến luyến _____

huênh hoang _____

luyện tập _____

luýnh quýnh _____

Viết lại những câu sau đây cho đúng chính tả

1. Người say đi đứng chênh choạng.

2. Ba mẹ quýnh luyến chia tay từ giả cô Thu.

3. Em khong thít người ăn nói hênh hoang.

4. Hoa qỳnh nở đẹp nhuong chong tàn.

Bài Tám

Vần

uych
u-y- cờ-uych

uyt
u-y-t ờ-uyt

uyêt
u-y-ê-t ờ-uyêt

uêch
u-ê-cờ-uêch

uych	huych	Bé Lan luýnh quýnh bị ngã uych.
uyt	huýt	Ba em thích huýt sáo bài “Cầu sông Kwai”
uyêt	tuyêt	Em thích đi trượt tuyết ở Winter Park.
uêch	tuêch	Người mê vật chất, đầu óc rỗng tuêch.

Tập đọc

Công Viên

Nhà em ở gần công viên. Thỉnh thoảng em cùng bạn tới đó ngắm hoa. Có nhiều loại hoa màu sắc rực rỡ. Ở đây có nhiều cây to che bóng mát. Nên thơ nhất là hàng cây khuyh diệp cao ngất, cành lá đong đưa trước gió tỏa hương thơm dịu dịu.

Công viên này nổi tiếng là đẹp. Nhiều em nhỏ đến đây nô đùa bên cha mẹ, ông bà, hoặc chơi đuổi bắt chạy nghe **huỳnh huych**.

Giải nghĩa:

công viên: vườn chơi công cộng - dịu dịu: thơm nhẹ, thoảng thoảng - huỳnh huych: tiếng động do chân chạy mạnh.

Bài tập

Đàm thoại

Học trò ngoan và học trò hư.

Trong gia đình biết kính trọng, yêu mến ông bà, cha mẹ và hòa thuận với anh, chị, em. Ở trường học vâng lời thầy cô, hòa nhã cùng bạn bè là những học trò ngoan. Ngoan ngoãn thì ai cũng yêu thương, chịu đựng và khen ngợi.

Còn những em không kính mến ông bà, cha mẹ. Không nghe lời thầy cô khuyên bảo, không nhường nhịn anh chị em và vô lễ với mọi người là những học trò hư. Hư thì ai cũng ghét, cũng chê, cũng không muốn gần gũi.

Thầy/cô mong muốn tất cả các em là những học trò ngoan.

Câu hỏi

- Như thế nào thì được gọi là học trò ngoan?
- Học trò hư là người như thế nào?
- Mọi người đối xử với học trò ngoan và học trò hư như thế nào?
- Thầy/cô mong muốn điều gì ở chúng em?

Viết lại những câu sau đây cho đúng chính tả

1. Se buýt hoc sinh xon mau vang.

2. Thầy cô huýt coi ra hiệu cho hoc sinh sêp hang.

3. Ông Bảy bị mac đo, xuyt xoa tiéc cu.

Chính tả

Những đêm nào trăng khuyết,
Trông giống con thuyền trôi.
Em đi, trăng theo bước,
Như muốn cùng đi chơi.

Bài Chín

Vần

ươi
ư-ơ-i-ươi

ươi
ư-ơ-u-ươi

ước
ư-ơ-cờ-ước

ươt
ư-ơ-tờ-ươt

ươi	tươi	Mẹ em thường tưới cây vào sáng sớm.
ươi	hươi	Trong sở thú có con hươi cao cổ.
ước	nước	Uống nước lọc rất tốt.
ươt	thướt tha	Áo dài Việt Nam trông rất là thướt tha.

Tập đọc

Không nên nói nhiều

Nói năng ta phải lựa lời.
Người khôn ít nói, **tươi cười** mới hay.
Chớ nên nói lắm nhảm tai,
Ca dao có dạy câu này đừng quên:
“**Rượu** nhạt uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhảm.”

Bài tập

Điền vào chỗ trống: tưới, cười, tươi, lười, nước, trượt, rượu, ngược

- 1) Cây cối trong vườn sau nhà em rất..... tốt.
- 2) Nhờ mẹ em chăm sóc và năngcây mỗi ngày.
- 3) Uống _____ và hút thuốc là những tật xấu, ta không nên bắt _____
- 4) Đi học về em tươi _____ chào ba má.
- 5) Ba mẹ dạy em chớ nên _____ biếng.
- 6) Mọi người đều thích hoa _____
- 7) Ba chèo ghe _____ dòng sông
- 8) Đường trơn, dễ _____ chân.

Sửa lại từ viết sai có gạch dưới

Viết lại cả câu cho đúng

- 1) Em dùng thuốt để kê hang. _____
- 2) Bé rwót đen trung thu. _____
- 3) Troi mưa uóc. _____
- 4) Đường tron trot. _____
- 3) Bé buốt đi không vững. _____
- 5) Bé trước chân. _____
- 6) Té đau, bé khóc swóc mwot. _____

Chính tả

Buổi Sáng Mùa Đông

Trời lạnh buốt. Đồng hồ báo thức reo vang. Em ước ao được nằm thêm mười phút nữa trong chăn ấm. Nhưng mẹ đã dậy em đi học. Hôm nay trời mưa lớn. Mặt đường ướt và trơn. Mẹ lái xe cẩn thận vì sợ bị trơn trượt. Từng hạt mưa lướt trên cửa kính nghe lộp độp. Trong khi ấy, nhiều bạn đi bộ đến trường. Giày và áo mưa đều ướt rượt. Vào lớp, ai nấy tươi cười vui vẻ.

Bài Mười

Vần

ươp

ư-ơ-pờ-ươp

ươm

ư-ơ-mờ-ươm

ươn

ư-ơ-nờ-ươn

ương

ư-ơ-ngờ-ương

ươp	mướp	Bà thích ăn canh mướp nấu với tôm khô.
ươm	lượm	Ba lượm cây bút lên.
ươn	sườn đôi	Sườn đôi thoải thoải.
ương	phần thưởng	Hoàng được phần thưởng hạng nhất.

Tập đọc

Ngôi **Trường** Ngoại Ô

Đó là một dãy nhà lợp ngói đỏ. Ngay giữa sân trường, lá cờ tung bay phất phới trên đỉnh cột thẳng tắp. Hai cây bàng lớn có nhiều tầng. Cành lá **rườm rà** che rợp hẳn một góc sân. Phía sau trường là vườn trồng **mướp**, bầu, bí. Những trái **mướp** thòng xuống lơ lửng trông rất đẹp mắt.

Buổi sáng, học sinh ăn mặc **tươm** tạt đến trường. Những học sinh còn bé được cha hay mẹ dẫn đi học. Người ra vào cổng **trường nườm nượp**.

Tan học, học sinh tung tăng trên đường về nhà. **Bướm bướm** bay lượn khắp lối đi.

Giải nghĩa:

Ngôi ô: *Vùng ở bìa của một thành phố* - Lơ lửng: *được treo và có thể di động trong không khí* - Tươm tạt: *chu đáo, gọn gàng* - Tung tăng: *chuyển động từ chỗ này sang chỗ khác*.

Bài tập

Trả lời câu hỏi bài tập đọc “Ngôi Trường Ngoại Ô”

Ngôi trường học nằm ở đâu?

Những cây bàng trong sân trường như thế nào?

Học sinh ăn mặc như thế nào khi đến trường?

Ai dẫn những em học trò còn bé đi học?

Điền vào chỗ trống: mướp, bướm, ướp

1. Ông uống trà cósen.
2. Quần áo nó rách
3. Bướm.....bay lượn trong vườn.

Sửa lại từ viết sai có gạch dưới

Viết lại cả câu cho đúng

Dũng sĩ có thanh *guôm* dài.

Em cúi *suống luộm cay* bút.

Ông *uốn chà ướp* sen.

Chính tả

Phải cố học

Các em biết rằng cha mẹ làm lụng vất vả để nuôi các em. Chỉ có một điều cha mẹ muốn là các em phải học hành chăm chỉ và nghe lời thầy cô dạy bảo. Không có điều gì làm vui lòng cha mẹ bằng các em thực hiện đúng những điều trên, có như vậy mình mới không phụ công ơn của thầy cô dạy bảo.

Ôn Bài (Review)

Ôn bài 7

uynh	uêh	uyên	uyu
huynh đệ khuyh hướng	huêh hoang chuêh choạng	quyên lực khuyên can	khuyũ tay khúc khuyũ

Ôn bài 8

uych	uyt	uyêt	uêch
huỳnh huych	xe buýt tu huýt quýt nợ	tuyêt trắng thuyêt trình tuyêt mạng	rõng tuếch

Ôn bài 9

ươi	ươu	ước	ươt
đườiươi tươi tẩn hai mươi	hươu cao cổ rượu đế	ước mơ nước chảy rước đèn	ướt mưa thướt tha mướt mà

Ôn bài 10

urop	ươm	ươn	ương
mèo mướp ướp hoa tươm tướp	tươm tươm nướm nướp ươm hạt	cá ươn con lươn sườn núi	nương cấy xương sườn yêu thương tương trợ

- Đặt câu hoặc đàm thoại bằng những từ trong bài số mười ba.
- Chính tả: Thầy/Cô đọc những từ trong bài số mười hai cho các em viết chính tả.

Ngữ vựng

Bài một (trang 9-10)

Bao la	Infinitive; unlimited, vast
Cùng máu mủ	Blood relationship
Gia tộc	Family tribe, Family clan
Hân hoan	To feel greatly pleased
Họa hoằn lẫm	Very occasionally, once in a while, rare
Hoàn trả lại	To give back, return
Khoai lang	Sweet potato
Kỹ lưỡng	Very careful
Lòng	Heart, feelings
Luộc	Boil
Nết na	Well-behaved, well-mannered
Ngoạm cục xương	To snap up a bone
Rừng thông	Pine forest
Sâu hoắm	Very deep
Thiết tha	Attached to, passionate, insistent
Thức khuya	To stay up late at night
Tính toán	To calculate, to weigh the pros and cons
Trông nom	To look after
Xoắn (tóc xoắn)	Curly (pertaining to hair or string)
Xoắn xít	To cling to one another

Bài hai (trang 11-12)

Cao suýt soát	Approximate, almost the same height
Do dự	To hesitate
Dọa	To scare
Đoạt	To win
Dứt khoát	Decisive
Hằng loạt	Series
Hoạt bát (nói)	Being fluent (pertaining to speaking)
Hoạt họa	Animated cartoon
Khoác lác (nói)	To brag, boast, lie, exaggerate
Loắt choắt	Diminutive, small but quick
Loay hoay	Toil, struggle
Lưu loát	Same meaning with hoạt bát

Môn	Subject
Ngoặc đơn, ngoặc kép	Parenthese; quotation mark
Ngoắc	To hook (hook bait to a fish hook)
Ngoáo ộp	Bugbear, bugaboo (an imaginery goblin used to excite fear)
Ngoắt đuôi	To wag tail
Ngoắt	Signal to come
Nhọn hoắt	Very pointed
Nhọn hoắt	Very, very sharp
Soát lại	To check again
Suýt soát	Almost the same
Thoăn thoắt	In a flash, as a lighting
Thoát hiểm	To escape a danger
Tính	Character, habit
Toác (toác hoác)	Wide open
Trôi chảy	Smoothly

Bài ba (trang 13-14)

Con hoẵng	Muntjac
Đi loanh quanh	To go around and back at the same place; be confined within
Hoang phí	To spend lavishly
Kế hoạch	To plan
Liền thoảng (talking)	Very glibly
Lú lo (hót)	To chirp (pertaining to bird)
Loang lổ	Full of patches; (loang: to spread all over)
Oang oang	Being loud (sủa oang oang: bark loudly)
Rẽ vào(đường đi)	To exit, make a turn (pertaining to road, street)
Thơm thoang thoảng	To smell faintly
Vỗ cánh	To flap the wings
Xoành xoạch	Constant, very often

Ôn Bài (trang 15)

Bại hoại	Degenerated, corrupted
Chớp nhoáng	flash, fast as thunder
Hàng loạt	Same series
Hoang đảo	Desert island
Hoạch hộc	To find fault with someone's work
Huy hoàng	Glory
Khoan thai (đi)	To walk with deliberate steps
Loang loáng	Flash, reflect
Ngoắc tay	Wave one's fingers
Nông phu	A farmer
Oái oăm	Awkward (pertaining condition: tình cảnh oái oăm)
Oan ức	Being victim of an injustice
Thoát nạn	To escape an accident
Thu hoạch (đồng áng)	To harvest (crop)
Xoáy	To whirl

Bài Bốn (trang 16-17)

Còm	Being scrawny, thin and stunted
Đôi khoen tai	A pair of earrings
Gầy nhom	Very skinny
Lòe loẹt	Flashy, gandy, tawdry
Ngoéo tay	Link forefingers (in sign of agreement upon...)
Nhoẻn	Break into a smile/grin
Nói xoen xoét	Constantly talking
Tự tin	Being confident
Túng thiếu	Be in need of money

Bài Năm (trang 18-19)

Bàn thờ	Altar, table where people place the pictures of deceases, along with candles, incences...to worship them
Bâng khuâng	State of mind of remembrance
Chuỗi hạt bồ đề	A necklace made of brown or black beads

Dòng suối	Stream, spring
Hoa nở rộ	To blossom at peak; bloom
Hòa thuận	Being harmonious (no argument)
Khôi ngô, tuấn tú	Handsome, intelligent looking
Khôn khuây	It's hard to forget
Lìa trần	To pass away
Ngày giỗ	Death anniversary
Quần quýt	To hang on to, cling to
Quầng thâm	Dark circle under the eyes
Quây quần	Gathering,
Róc rách	To babble, sound of water running steadily
Xuất sắc	Very good; excellence

Bài Sáu (trang 20-21)

Hiếu thảo	Pious, (người con hiếu thảo: a dutiful child)
Lạnh buốt	Icy cold
Luộm thuộm	Very careless in dressing
Màu muối tiêu	Implying black and white (pertaining to hair)
Nuốt trọn	To swallow without chewing
Run cầm cập	Being shiver
Vọng lại	Echo

Ôn Bài (trang 22)

Bất khuất	Undaunted, indomitable, unyielding
Chuốc vào	Get involved
Chuồng	Stable, cage, coop
Huấn luyện	To train
Khuất bóng	Dead and gone
Láo toét	untruthful
Lở loét	Get pustules all over one's body
Lung lay	Unstable, shaky
Luồng điện	Electric current
Luống rau	Beds of vegetables
Mỹ thuật	Art
Nũng nịu	Coddle oneself
Nuối tiếc	the state of missing something and long for it to
come back	

Rập khuôn	Copy a model
Thuần thục	Subdue, tame
Xoong	Pan, pot
Xuất xứ	Source; Orginial

Bài Bảy (trang 23-24)

Ăn nói huênh hoang	To brag, boast
Chạy thục mạng	To run at the maximum speed for one's life
Chóng tàn	Being wilted quickly
Chuệnh choạng	To walk imblanced
Kẻ gian tà	Evildoer, a thief, a burglar
Khúc khuỷu	Many twists and turns (pertaining to road, street)
Lúynh quỳnh	State of being rush and embarrassment
Quyến luyến	Cling to one's another and don't want to be parted
Quyt nợ	To fail to pay someone's debt
Quýu tay	Getting numb
Rỗng tuếch	Very empty
Thông thường	Normally, usually
Tính tự đắc	Be self-important, be self-conceited

Bài Tám (trang 25-26)

Cao ngất	Very tall
Đong đưa	To move back and forth
Huỳnh huých (âm thanh)	Thud (sound)
Màu sắc rực rỡ	Very bright color
Nên thơ	Look romantic
Rỗng tuếch	Shallow, empty
Trăng khuyết	Waning moon, crescent moon
Vật chất	Material
Xếp hàng	To get in line

Bài Chín (trang 27-28)

Chèo ghe	To row a boat
Chuệnh choạng	To walk out of balance, not on a straight course
Đồng hồ báo thức	Alarm clock
Dục	To rush
Đường trơn	Slippery road

Hoa tươi	Fresh flower
Ngược dòng nước	Upstream, upriver
Nhàm tai	Boring of listening to story over and over
Thuốt tha	Be lithe, be lissome
Ướt rước	Being soaked

Bài Mười (trang 29-30)

Cá ươn	Rotten fish
Con lươn	Eel
Mượt mà	To feel velvety, very soft
Nườm nượp	Very crowded
Nương cậy	To be dependent on
Rượu đế	Wine made by sweet rice
Sườn núi	Slop of the hill
Thuyết trình	To give a talk, to lecture
Tương tước	Consider as bad manner, try to talk or to take without waiting to one's turn.
Tương trợ	To help one another
Tuyệt mạng	Unhappy dying
Lơ lửng	Be hanging in the air
Mái ngói	Title roof
Phất phới	Flutter, wave
Sườn đồi thoải thoải	A gentle slope
Tưng tăng	Romp, hop
Tương tát	Well-cared (pertaining to dress up)

